

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc điều trị các bệnh về mắt trong kế hoạch năm 2017 cho Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Năng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Dược số 34/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 94/TTr-SYT ngày 13/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc điều trị các bệnh về mắt trong kế hoạch năm 2017 cho Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Năng, cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu: Mua thuốc điều trị các bệnh về mắt.
2. Tổng giá trị gói thầu: **307.614.000** (Ba trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm mười bốn ngàn đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

3. Nguồn vốn: Nguồn thu viện phí, BHYT.
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu (quy trình rút gọn).
5. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2017.
6. Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
7. Thời gian thực hiện: 30 ngày.

Điều 2. Giao Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Năng (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Giao Giám đốc Sở Y tế, Hội đồng thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh và Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Năng chịu trách nhiệm về tính pháp lý, danh mục, số lượng và đơn giá mua sắm thuốc tại Điều 1, Quyết định này.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Năng thực hiện việc mua thuốc điều trị các bệnh về mắt trong kế hoạch năm 2017 theo đúng danh mục được phê duyệt, số lượng thuốc mua phải phù hợp với nhu cầu thực tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Thuốc mua phải đảm bảo chất lượng, tương ứng với mức giá được phê duyệt, không được để xảy ra tình trạng mua thuốc không đảm bảo chất lượng hoặc chất lượng thấp, không tương ứng với mức giá được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện Krông Năng; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận

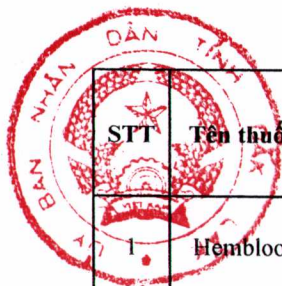
- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT. (y_26)



H'Yim Kđoh

PHỤ LỤC I: THUỐC THEO TÊN GENERIC - ĐIỀU TRỊ CÁC BỆNH VỀ MẮT

(Kèm theo Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Đường dùng, dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc Số GPNK	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Hemblood	Vitamin B1 + B6 + B12	3	Uống, viên nén	115mg + 100mg + 50mcg	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-18955-13	Hataphar	Việt Nam	Viên	105.280	680	71.590.400
2	Katrypsin	Alpha chymotrypsin	3	Uống, viên	4,2mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén, uống	VD-18964-13	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	75.000	159	11.925.000
3	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	3	Thuốc nhỏ mắt	0,9%	Lọ 10 ml	VD-10579-10	HD Pharma	Việt Nam	Lọ	249	1.420	353.580
4	Oresol	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	3	Gói bột pha uống	27,9g	H/ 10 gói	VD-16755-12	Xí nghiệp dược phẩm 150- BQP	Việt Nam	Gói	667	1.320	880.440
5	Rovas 1,5M	Spiramycin	3	Uống; viên nén bao phim	1.500.000 UI	Hộp 2 vi x 8 viên; viên nén bao phim	VD-21784-14	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Việt Nam	Viên/ vi	6.250	1.391	8.693.750
6	Rovas 3M	Spiramycin	3	Uống; Viên nén bao phim	3.000.000 UI	Hộp 2 vi x 5 viên	VD-21785-14	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Việt Nam	Viên	3.100	2.664	8.258.400
7	Sorbitol	Sorbitol	3	Uống; Gói	5g	Hộp 25 gói x 5g	VD-20905-14	Công Ty Cổ Phần Dược Và Vật Tư Y Tế Bình Thuận	Việt Nam	Gói	1.250	435	543.750
8	Dekasiam	Acetylsalicylic acid	3	Uống; Gói	100mg	Hộp 20 gói	VD-22510-15	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Việt Nam	Gói	8.700	2.500	21.750.000
9	Atropin sulfat	Atropin sulfat	3	Dung dịch tiêm	0.25mg/ml	Hộp 100 ống x 1ml	VD-12440-10	Vinphaco	Việt Nam	Ống	100	525	52.500
10	Terpin - Codein	Terpin hydrat + Codein	3	Uống, viên nén	100mg +10mg	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-15227-11	Mekophar, Việt Nam	Việt Nam	Viên	22.000	295	6.490.000
11	Mumcal	Calci lactat	3	Siro uống	500mg/10 ml	Hộp 20 ống	VD-20804-14	Phương Đông	Việt Nam	Ống	6.200	3.200	19.840.000
12	Kingdomin-vita C	Vitamin C	3	Uống, viên sủi	1000mg	Hộp 5 vi x 4 viên	VD-10099-10	Bidiphar	Việt Nam	Viên	7.500	777	5.827.500

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Đường dùng, dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc Số GPNK	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
13	Vitamin PP	Vitamin PP	3	Uống, viên	500mg	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-15156-11	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.200	177	389.400	
14	USAMAGSI UM FORT	Vitamin B6 + magnesi (lactat)	3	Uống, viên	10 mg + 470 mg	Hộp 100 viên	VD-20663-14	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Viên	37.500	970	36.375.000	
15	Hapacol 150	Paracetamol	4	Uống, bột/hỗn dịch	150mg	H/24 gói x 1,5g, Thuốc bột sủi bọt, Uống	VD-21137-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Gói	11.000	1.520	16.720.000	
16	Hapacol 250	Paracetamol	4	Uống, bột/hỗn dịch	250mg	H/24 gói x 1,5g, Thuốc bột sủi bọt, Uống	VD-20558-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Gói	16.300	1.730	28.199.000	
17	Medaxetine 500mg	Cefuroxim	1	Uống, viên	500mg	Hộp 1 vi x 10 viên, viên nén bao phim, uống	VN-15976-12	Medochemie Ltd	Síp	Viên	5.000	11.950	59.750.000	
18	Gentamicin	Gentamicin	3	Dung dịch tiêm	80mg/2ml	Hộp 50 ống x 2ml	VD-11227-10	HD Pharma	Việt Nam	Ống	9.500	1.050	9.975.000	
Tổng cộng: 18 mặt hàng													307.613.720	
													Làm tròn	307.614.000